TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tòng Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tòng Văn H trình bày như sau:

Anh và chị Lò Thị L kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 08/03/2014. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị L không tu chí làm ăn, sống chơi bời, bỏ bê chồng con. Sau khi được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng

không thành, anh chị đã sống ly tH từ cuối năm 2022 do chị Lna thường xuyên bỏ đi làm đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn, cuộc sống không hạnh phúc nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Thị Linh C2, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Tòng Thị Thùy D, sinh ngày 11/05/2019. Hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng với bố. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị chị L cấp dưỡng con cùng anh.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn chị Lò Thị L về địa chỉ Bản P, xã C, huyện Mai Sơn. Qua xác minh xác định, chị L đã biết được thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn và thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc. Tuy nhiên, chị L không đến làm việc tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của anh H và chị L.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Tòng Thị Linh C2 có nguyện vọng ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tòng Văn H và chị Lò Thị L.

Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Linh C2, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Tòng Thị Thùy D, sinh ngày 11/05/2019 cho anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi và có khả năng lao đồng). Ghi nhận việc anh H không yêu cầu chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không đề nghị xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Anh Tòng Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Tòng Văn H về việc xin ly hôn với chị Lò Thị L. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Tòng Văn H và chị Lò Thị L tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/03/2014. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình con cái nên vợ chồng xảy ra bất đồng cãi vã. Sau khi gia đình hòa giải không thành, anh chị đã sống ly tH từ cuối năm 2022 đến nay. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ vợ chồng anh chị đã không sống cùng nhau từ khoảng tháng 03/2023 đến nay. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L đã biết việc anh H xin ly hôn nhânưng không có động thái hàn gắn tình cảm, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Tòng Văn H và chị Lò Thị L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện chị L và anh H có 02 con chung là cháu Tòng Thị Linh C2, sinh ngày 02/01/2015 và cháu

Tòng Thị Thùy D, sinh ngày 11/05/2019. Khi ly hôn, anh H nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, anh cam kết đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị L hiện bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về thăm con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh C2 mong muốn được tiếp tục chung sống cùng bố. Qua xác minh xác định cả hai cháu đang ở cùng anh H, từ tháng 03/2023 chị L đi làm xa không trở về nhà, chị L cũng không về nhà bố mẹ đẻ, không biết chị L đang ở địa chỉ nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cũng không thể hiện quan điểm về con chung khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho các con chung chưa thành niên, cần chấp nhận nguyện vọng của anh H và cháu Linh C2, giao cháu Tòng Thị Linh C2 và cháu Tòng Thị Thùy D cho anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc anh H không yêu cầu chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định tài sản chung hai bên gia đình đã thỏa thuận xong khi hòa giải, vợ chồng không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp pháp sinh tranh chấp và có người đề nghị sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tòng Văn H và chị Lò Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị Linh C2, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Tòng Thị Thùy D, sinh ngày 11/05/2019 cho anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc anh Tòng Văn H không yêu cầu chị Lò Thị L cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh.

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Tòng Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003167 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại C2 cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- C2 cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga